

Bản án số **56/2022/DS-PT**

Ngày 26/12/2022

V/v “*Tranh chấp chia tài sản chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

- Các Thẩm phán: Ông Ma Hồng Thắng và bà Nguyễn Thanh Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hồng Phong - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Công Bình - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST, ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T.Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2022/QĐ-PT, ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hoàng Xuân T**, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tổ 10, phường N.T, thành phố T.Q, tỉnh Tuyên Quang.

Ông Hoàng Xuân T là người giám hộ cho cháu Hoàng Mạnh K, sinh năm 2008 (*vắng mặt*).

Cháu **Hoàng Quốc V**, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ 5, phường N.T, thành phố T.Q, tỉnh Tuyên Quang (*có đơn xin xét xử vắng mặt*). Người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Quốc V: Ông Nguyễn Trung L, sinh năm 1958; Địa chỉ: N.H, T.T, Hà Nội; Nơi ở: số nhà 85, tổ 12, phường P.Th, thành phố T.Q, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung L, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 85, tổ 12, phường P.Th, thành phố T.Q, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*).

2. Bị đơn: Ông **Hoàng Mạnh Đ**, sinh năm 1981 và bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Tổ 5, phường N.T, thành phố T.Q, tỉnh Tuyên Quang.

(Ông Đ có mặt, bà B có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Việt H - chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thu Th - chức vụ: Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ, cán bộ pháp chế. Địa chỉ: Số 112, Nguyễn Văn C, phường M.X, thành phố T.Q, tỉnh Tuyên Quang (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.Q: Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hữu Kh - chức vụ: Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Duy P - chức vụ: Phó Chi cục trưởng. Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường A.T, thành phố T.Q, tỉnh Tuyên Quang (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- Công ty TNHH MTV P.A.H; người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Minh Q - chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Số 558, đường Kim Bình, tổ dân phố 02, phường N.T, thành phố T.Q, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt*).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Hoàng Xuân T, cháu Hoàng Quốc V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trung L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Cháu Hoàng Quốc V, cháu Hoàng Mạnh K là con đẻ của ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị B. Cháu Hoàng Quốc V sinh ngày 13 tháng 12 năm 2002, cháu Hoàng Mạnh K sinh ngày 16 tháng 02 năm 2008. Ngày 23 tháng 02 năm 2009 hộ gia đình ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị B được UBND thị xã T.Q (nay là thành phố T.Q) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN637912 cấp cho hộ ông Hoàng Mạnh Đ, bà Nguyễn Thị B số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất HO2501 có những thông tin địa chính như sau: thửa đất số 04, tờ bản đồ số QH khu dân cư xóm 12, xã N.T. Địa chỉ thửa đất: Xóm 12, xã N.T, thị xã T.Q. Diện tích 98,3m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài. Hộ ông Đ bà B có 02 vợ chồng Ông Đ bà B và 02 người con cháu V, cháu K. Năm 2011, ông Đ bà B đã ký Hợp đồng thế chấp để thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đã nêu ở trên để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH P.A.H. Do làm ăn thua lỗ Công ty P.A.H mất khả năng thanh toán, khoản vay đến hạn không trả được dẫn đến việc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang khởi kiện. Ngày 25/11/2019 Tòa án nhân dân thành phố T.Q, đã tuyên Bản án sơ thẩm 21/2019/KDTM-ST về Tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án đã không đưa cháu Hoàng Quốc V, cháu Hoàng Mạnh K vào tham gia tố tụng để cháu V, cháu K thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ bị xâm phạm. Vì vậy, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đã nêu ở trên là tài sản chung của hộ gia đình gồm các thành viên ông Đ, bà B, cháu V và cháu K. Khi thực hiện thủ tục thế chấp không có ý kiến của cháu V, cháu K, cũng không có văn bản xác lập quyền giám hộ hay quyền đại diện hợp pháp của ông Đ bà B cho cháu V và cháu K để thực hiện thủ tục thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty P.A.H.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết: Phân chia tài sản là quyền sử dụng đất được thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN637912 với các thông tin địa chính nêu trên và tài sản gắn liền với đất. Phân chia các tài sản nêu trên thành 04 phần cho ông Hoàng Mạnh Đ, bà Nguyễn Thị B, cháu Hoàng Quốc V, cháu Hoàng Mạnh K theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đồng thời, xác định tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đã nêu là tài sản ông Đ bà B nhận chuyển nhượng của người khác, không phải là tài sản được tặng cho hay thừa kế chung. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng hộ gia đình có ông Đ, bà B và 02 con chung của ông Đ bà B là cháu V và cháu K, các con chung còn nhỏ không có công sức đóng góp gì vào tài sản mà ông Đ bà B nhận chuyển nhượng tại thời điểm đó. Tuy nhiên, người đại diện theo uỷ quyền xác định căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị B (hộ gia đình ở thời điểm được cấp giấy chứng nhận có ông Đ, bà B và cháu V, cháu K) nên xác định đây là tài sản chung. Năm 2011 khi thực hiện thế chấp tài sản không có ý kiến của cháu V và cháu K, cũng không có văn bản có giá trị pháp lý nào xác nhận về việc giám hộ hay đại diện hợp pháp của ông Đ bà B đối với cháu V, cháu K tại thời điểm đó. Do vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản là trái quy định của pháp luật, không có giá trị pháp lý, ông Đ bà B chỉ có quyền thế chấp đối với phần tài sản của mình còn phần của cháu K cháu V thế chấp không có hiệu lực. Vì tài sản này là tài sản chung của hộ gia đình nên ông L đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản thành 04 phần cho ông Đ, bà B, cháu V, cháu K mỗi người một phần bằng nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn, ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị B trình bày: Hộ gia đình ông bà có tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 04, tờ bản đồ QH khu dân cư xóm 12, xã N.T, thị xã T.Q, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN637912 số vào sổ cấp giấy HO2501/NT mang tên hộ ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị B. Hai cháu là cháu Hoàng Quốc V và cháu Hoàng Mạnh K thông qua người giám hộ là ông Hoàng Xuân T, người đại diện theo uỷ quyền, ông Nguyễn Trung L với nội dung khởi kiện: yêu cầu tòa án giải quyết phân chia tài sản chung nêu trên thành 04 phần và chia cho các thành viên trong gia đình là ông Hoàng Mạnh Đ, bà Nguyễn Thị B, cháu Hoàng Quốc V, cháu Hoàng Mạnh K. Với nội dung khởi kiện nêu trên của nguyên đơn ông bà hoàn toàn nhất trí. Ông bà đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T.Q giải quyết chia tài sản chung của hộ gia đình cho các thành viên trong gia đình theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang trình bày: Chúng tôi là bên cho Công ty TNHH MTV P.A.H vay vốn và nhận tài sản thế chấp của ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị B để đảm bảo nghĩa vụ khoản vay của Công ty TNHH MTV P.A.H cụ thể như sau: Người vay vốn là Công ty TNHH MTV P.A.H, Người thế chấp tài sản đảm bảo nghĩa vụ cho khoản vay của Công ty TNHH MTV P.A.H là ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị B. Tổng số tiền Agribank giải ngân cho công ty P.A.H là 1.400.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất có

diện tích 98,3m² và tài sản gắn liền với đất là nhà xây 3 tầng + chống nóng tại thửa đất số 04, tờ bản đồ QH khu dân cư xóm 12, phường N.T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTC ngày 29/6/2011, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/6/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T.Q. Giá trị tài sản bảo đảm 1.870.000.000 đồng.

Tháng 6 năm 2018 Agribank Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành khởi kiện Công ty TNHH MTV P.A.H và ông Hoàng Mạnh Đ, bà Nguyễn Thị B về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của và nghĩa vụ thế chấp theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản đã ký. Qua 2 cấp xét xử tuyên chấp thuận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu công ty P.A.H thực hiện trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký và ông Đ bà B thực hiện nghĩa vụ của bên thế chấp tài sản đã ký.

Ngân hàng không nhất trí với yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung của bên nguyên đơn với những căn cứ sau: Căn cứ Điều 102, 106, 108 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 3 Luật đất đai năm 2013. Theo đó các thành viên trong hộ gia đình có quyền định đoạt đối với tài sản chung của hộ gia đình phải đảm bảo các yếu tố sau: Các thành viên có quan hệ huyết thống sống trong cùng gia đình tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Các thành viên có đóng góp công sức để hoạt động kinh tế chung hoặc cùng tạo lập nên tài sản. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 cháu Hoàng Quốc V mới 7 tuổi và cháu Hoàng Mạnh K mới 01 tuổi. Trong quá trình hình thành tạo lập nên tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cháu V và cháu K còn nhỏ đang đi học, sống phụ thuộc vào bố mẹ nuôi dưỡng, chưa đóng góp gì trong khối tài sản chung, do vậy có thể khẳng định tài sản là tài sản của Ông Đ và bà B. Mặt khác tại bản án phúc thẩm số 03/2020/KDTM-PT ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã nhận định: Thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/9/2009 thì hộ gia đình anh Điệp chị Hương gồm 4 người: Đ, B, V, K. Ông Đ, bà B ký hợp đồng thế chấp tài sản ngày 29/6/2011 lúc này hai con còn nhỏ nên căn cứ khoản 2 Điều 146 Nghị định 181/2004/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 109 BLDS năm 2005 xác định việc định đoạt tài sản là tư liệu sản xuất và tài sản chung có giá trị lớn của hộ gia đình phải được các thành viên có đủ năng lực hành vi dân sự và từ đủ mười lăm tuổi trở lên đồng ý...Tại thời điểm giao kết hợp đồng các con của ông Đ bà B là cháu V và cháu K chưa đủ 15 tuổi do đó các giao dịch dân sự đều do đại diện hộ gia đình thực hiện do đó không cần thiết phải đưa các con của ông Đ bà B tham gia tố tụng.

Do Công ty TNHH MTV P.A.H không có khả năng trả nợ nên Ngân hàng đã gửi đơn đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.Q đề nghị thi hành án đối với tài sản của ông Đ bà B, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.Q đã ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 02 ngày 07/10/2020. Do yêu cầu phân chia tài sản chung của nguyên đơn là không có cơ sở nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Ngân hàng vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.Q trình bày: Căn cứ Bản án số 21/2019/KDTM-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T.Q; Bản án số 03/2020/KDTM-PT ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Căn cứ Quyết định thi hành án số 910/QĐ-CCTHADS ngày 10/8/2020; QĐ số 02/QĐCCTHADS ngày 07/10/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.Q đối với Công ty TNHH MTV P.A.H. Đề nghị Tòa án trên cơ sở giải quyết nội dung vụ án, giải quyết đúng quy định của pháp luật, dứt điểm, rõ ràng để Chi cục thi hành án thi hành các bản án đã nêu.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố T.Q thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST, ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T.Q đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 115, 212, 221 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 179, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, ông Hoàng Tiến và cháu Hoàng Quốc V.

2. Về án phí: Cháu Hoàng Quốc V phải chịu 25.670.000đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Miễn nộp tiền án phí dân sự có giá ngạch đối với ông Hoàng Xuân T, số tiền 25.670.000đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ông Hoàng Mạnh Đ, bà Nguyễn Thị B, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.Q không phải chịu án phí.

(Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 47/2022/QĐ-SCBSBA ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T.Q đã sửa chữa, bổ sung phần án phí như sau: Cháu Hoàng Quốc V phải chịu 300.000đ án phí dân sự không có giá ngạch; Miễn nộp tiền án phí dân sự không có giá ngạch đối với ông Hoàng Xuân T, số tiền 300.000đ).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 27/6/2022, Tòa án nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn và người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trung L kháng cáo có nội dung: Không Đồng ý với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST, ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T.Q. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết, công bằng, khách quan và đúng luật, đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của các bên đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử công bằng, khách quan và đúng luật, đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của các bên đương sự.

Ngân hàng Agribank chi nhánh tỉnh Tuyên quang có đơn đề nghị giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.Q có đơn đề nghị giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Xét bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn.

Về án phí: Người kháng cáo không Được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Trung L trong hạn luật định, kháng cáo là hợp lệ được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST, ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T.Q. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết công bằng, khách quan và đúng luật, đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của các bên đương sự.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

* Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết: Phân chia tài sản là quyền sử dụng đất được thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN637912 cấp cho hộ ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị B số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất HO2501 thửa đất số 04, tờ bản đồ số QH khu dân cư xóm 12, xã N.T cấp ngày 23 tháng 02 năm 2009, hộ gia đình ông Đ bà B gồm 4 người: Đ, B, V, K. Địa chỉ thửa đất: Xóm 12, xã N.T, thị xã T.Q. Diện tích 98,3m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài và tài sản gắn liền với đất. Phân chia các tài sản nêu trên thành 04 phần cho ông Hoàng Mạnh Đ, bà Nguyễn Thị B, cháu Hoàng Quốc V, cháu Hoàng Mạnh K theo quy định pháp luật. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "*Tranh chấp chia tài sản chung*" là có căn cứ.

*** Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm người đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đồng thời, xác định tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đã nêu trên là tài sản ông Đ bà B nhận chuyển nhượng của người khác, không phải là tài sản được tặng cho hay thừa kế chung. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng hộ gia đình có ông Đ, bà B và 02 con chung của ông Đ bà B là cháu V và cháu K, các con chung còn nhỏ không có công sức đóng góp gì vào tài sản mà ông Đ bà B nhận chuyển nhượng tại thời điểm đó. Tuy nhiên, người đại diện theo uỷ quyền xác định căn cứ để chia tài sản chung là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị B (hộ gia đình ở thời điểm được cấp giấy chứng nhận có ông Đ, bà B và cháu V, cháu K) nên xác định đây là tài sản chung.

Xét kháng cáo của nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Năm 2011, ông Đ bà B đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTC ngày 29/6/2011, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/6/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T.Q. Giá trị tài sản bảo đảm 1.870.000.000 đồng để đảm bảo cho Công ty P.A.H vay số tiền 1.400.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất có diện tích 98,3m² và tài sản gắn liền với đất là nhà xây 3 tầng + chống nóng tại thửa đất số 04, tờ bản đồ QH khu dân cư xóm 12, phường N.T mang tên ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị B, nhưng do làm ăn thua lỗ Công ty P.A.H mất khả năng thanh toán, khoản vay đến hạn không trả được dẫn đến việc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang đã khởi kiện Công ty TNHH P.A.H.

Ngày 25/11/2019 Toà án nhân dân thành phố T.Q. đã tuyên Bản án sơ thẩm 21/2019/KDTM-ST về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH P.A.H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) tổng số tiền nợ tính đến ngày 25/11/2019 là: 2.716.731.528 đồng (Hai tỷ, bảy trăm mười sáu triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng); nợ lãi là 1.316.731.528 đồng (Một tỷ, ba mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày 26/11/2019, công ty còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 8100-LAV201100793 ngày 29/6/2011 đã ký giữa công ty với Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc. Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ và lãi phát sinh cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp của khoản vay nói trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN637912 do UBND thị xã T.Q (nay là thành phố T.Q) cấp ngày 23/02/2009 mang tên hộ ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị B, thửa đất số 04, diện tích 98.3m², tờ bản đồ số QH khu dân cư xóm 12, thuộc tổ 12 (nay là tổ 5), phường N.T, thành phố T.Q (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

số 01 ngày 29/6/2011). Ngày 04/12/2019 và ngày 09/12/2019 Tòa án nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Mạnh Đ, bà Nguyễn Thị B và người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH một thành viên P.A.H - ông Đặng Minh Q kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2019/KDTM-ST, ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T.Q.

Ngày 10/7/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã xét xử phúc thẩm tại bản án số 03/2020/KDTM-PT ngày 10/7/2020 và quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH một thành viên P.A.H - ông Đặng Minh Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Mạnh Đ, bà Nguyễn Thị B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2019/KDTM-ST, ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T.Q.

Xét nguồn gốc diện tích quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN637912 do UBND thị xã T.Q (nay là thành phố T.Q) cấp ngày 23/02/2009 mang tên hộ ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị B, thửa đất số 04, diện tích 98.3m², tờ bản đồ số QH khu dân cư xóm 12, thuộc tổ 12 (nay là tổ 5), phường N.T, thành phố T.Q: Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 các con ông Đ, bà B là cháu Hoàng Quốc V mới 7 tuổi và cháu Hoàng Mạnh K mới 01 tuổi. Trong quá trình hình thành tạo lập nên tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cháu V và cháu K còn nhỏ đang đi học, sống phụ thuộc vào bố mẹ nuôi dưỡng, chưa có đóng góp gì trong khối tài sản chung, do vậy xác định tài sản là nhà và đất nêu trên là tài sản chung của ông Đ và bà B. Tại thời điểm giao kết hợp đồng thế chấp các con của ông Đ bà B là cháu V và cháu K chưa đủ 15 tuổi do đó các giao dịch dân sự đều do đại diện hộ gia đình thực hiện. Như vậy, việc ông Đ, bà B dùng tài sản chung của gia đình là quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất để ký kết hợp đồng thế chấp làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của công ty P.A.H tại ngân hàng Agribank chi nhánh tỉnh Tuyên Quang là hoàn toàn tự nguyện; ông Đ, bà B có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hiểu những điều khoản trong hợp đồng thế chấp và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các thành viên trong gia đình về tài sản chung đã thế chấp. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên ông Đ bà B thành 04 phần là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, do vậy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, cần giữ nguyên nội dung quyết định của bản án sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T.Q, tỉnh Tuyên Quang như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Xuân T, cháu Hoàng Quốc V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn cháu V phải chịu án phí dân

sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Hoàng Xuân T là người cao tuổi được miễn án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T.Q như sau:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, ông Hoàng Xuân T và cháu Hoàng Quốc V.

2. Về án phí: Cháu Hoàng Quốc V phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự không có giá ngạch; miễn nộp tiền án phí dân sự không có giá ngạch đối với ông Hoàng Xuân T, số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Ông Hoàng Mạnh Đ, bà Nguyễn Thị B, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.Q không phải chịu án phí.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Cháu Hoàng Quốc V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0000421 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.Q, cháu V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Hoàng Xuân T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2022).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tp Tuyên Quang;
- CC.THADS tp Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Thanh Sơn